TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **28/**2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24-5-2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh Thi

2. Ông Đào Hoàng Khương

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Trọng Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà*:** Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43A/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20-4-2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07-5-2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Lê Quốc A**, sinh năm 1978 (có mặt)

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn T, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 27/8/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh **Lê Quốc A** trình bày:*

Anh và chị Nguyễn Thị H chung sống với nhau năm 2000, có đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc

được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều không thể khắc phục được, và thực tế vợ chồng đã thật sự ly thân nhau hơn 01 năm nay.

Về con: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Nguyễn Trúc L, sinh ngày 01/12/2001 và Lê Quốc N, sinh ngày 31/12/2003.

Về tài sản: Vợ chồng không tài sản chung.

Về nợ: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn chị Nguyễn Thị H;

2. Về quan hệ nuôi con chung: Yêu cầu trực tiếp nuôi Lê Quốc N, sinh ngày 31/12/2003, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn; đối với Lê Nguyễn Trúc L, sinh ngày 01/12/2001 hiện đã thành niên, tự lao động, sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

3. Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng không tài sản chung, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

4. Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại phiên tòa*:**

- Nguyên đơn anh Lê Quốc A vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu như trên, đồng thời có bổ sung lý do không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con vì anh đủ điều kiện để nuôi con chung, hiện tại anh đang là giáo viên nên thu nhập ổn định mỗi tháng hơn 9.000.000 đồng.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt lần thứ hai không lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội

đồng xét xử nghị án là chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa xét xử;

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xem xét những vấn đề cụ thể như sau, về quan hệ hôn nhân: cho anh Lê Quốc A ly hôn chị Nguyễn Thị H; về quan hệ nuôi con chung: giao Lê Quốc N, sinh ngày 31/12/2003 cho anh Quốc A trực tiếp nuôi, chị H không cấp dưỡng nuôi con cùng anh Quốc A sau khi vợ chồng ly hôn, còn đối với Lê Nguyễn Trúc L, sinh ngày 01/12/2001 đã trưởng thành, đủ 18 tuổi tự lao động sinh sống được và nguyên đơn, bị đơn không tranh chấp, yêu cầu gì nên không xem xét; về tài sản chung và về nợ chung, không có tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý cho bị đơn chị Nguyễn Thị H biết và quy định thời gian để bị đơn có ý kiến về việc khởi kiện *"ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* của nguyên đơn anh Lê Quốc A. Nhưng bị đơn chị H không có ý kiến gì và cũng không cung cấp chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Do đó, Tòa án vẫn tiến hành việc giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ngày 18/3/2021 Tòa án nhận được đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải của nguyên đơn anh Lê Quốc A. Như vậy, được xác định đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: ".....*Một trong các đương sự đề nghị không tiến hành hòa giải*".

Nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã tống đạt hợp lệ các thủ tục xét xử cho bị đơn chị Nguyễn Thị H, nhưng bị đơn chị H vắng mặt không có lý do nên HĐXX phải hoãn phiên tòa. Quyết định hoãn phiên tòa để mở phiên tòa xét xử lần thứ hai đã được tống đạt hợp lệ cho bị đơn chị H, nhưng bị đơn chị H vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Quốc A không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Quốc A và chị Nguyễn Thị H tự nguyện lấy nhau làm vợ chồng, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân thị trấn T cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2018. Quan hệ hôn nhân giữa anh Quốc A và chị H là hôn nhân hợp pháp phù hợp theo qui định tại các điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Quốc A thấy rằng: Theo anh Quốc A trình bày cùng các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau làm cho mâu thuẫn vợ chồng càng nhiều, không thể khắc phục được và thực tế vợ chồng đã ly thân nhau hơn 01 năm nay.

Qua kết quả xác minh, thu thập chứng cứ thì tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của anh Quốc A và chị H là có thật, phù hợp với lời trình bày của anh Quốc A nêu trên (Biên bản xác minh ngày 18/3/2021).

Từ những phân tích, đánh giá trên cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa hai bên không khả năng đoàn tụ, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Quốc A đối với chị H theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về quan hệ nuôi con chung: Theo anh Quốc A, vợ chồng có 02 con chung tên Lê Quốc N, sinh ngày 31/12/2003 đang sống chung với anh Quốc A. Khi ly hôn, anh yêu cầu trực tiếp nuôi Lê Quốc N, sinh ngày 31/12/2003, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con cùng anh sau khi vợ chồng ly hôn; còn đối với Lê Nguyễn Trúc L, sinh ngày 01/12/2001 hiện đã thành niên, tự lao động, sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nội dung này đã được Tòa án nêu rõ trong thông báo thụ lý vụ án và đã tống đạt hợp lệ cho chị H, nhưng chị H vẫn không có ý kiến phản bác gì đối với ý kiến của anh Quốc A nêu ra và cũng không có yêu cầu gì khác. Đồng thời, cháu Lê Quốc N, sinh ngày 31/12/2003 cũng đã có văn bản thể hiện ý kiến sau khi cha mẹ (anh Quốc A và chị H) ly hôn có nguyện vọng sống chung với anh Quốc A. Việc anh Quốc A không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con cùng anh sau khi vợ chồng ly hôn là tự nguyện, hơn nữa theo ý kiến của anh Quốc A nêu ra thì hiện nay anh Quốc A có nghề nghiệp và có thu nhập ổn định nên có đầy đủ khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con chung, do đó chị H không phải cấp dưỡng nuôi con anh Quốc A. Vì vậy, cần giao cháu nuôi Lê Quốc N, sinh ngày 31/12/2003 cho anh Quốc A trực tiếp nuôi sau khi anh Quốc A và chị H ly hôn là phù hợp với nguyện vọng của cháu Lê Quốc N và theo quy định tại khoản 2

Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; đối với Lê Nguyễn Trúc L, sinh ngày 01/12/2001 đã thành niên, tự lao động, sinh sống được và các đương sự không ai yêu cầu, tranh chấp gì nên HĐXX không xem xét.

- Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Theo anh Quốc A, vợ chồng không tài sản chung; không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của anh Quốc A về tài sản chung và nợ như trên, Tòa án đã nêu trong Thông báo về việc thụ lý vụ án để chị H biết, nhưng đến nay chị H không có ý kiến gì phản bác ý kiến của anh Quốc A và cũng không có yêu cầu gì khác. Như vậy, khi Tòa án giải quyết vụ án này thì các đương sự (anh Quốc A, chị H) không có tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ, do đó HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn anh Lê Quốc A có đơn yêu cầu xin ly hôn nên anh Quốc A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1 - Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Lê Quốc A ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2 - Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung Lê Quốc N, sinh ngày 31/12/2003 cho anh Quốc A trực tiếp nuôi *(đúng theo nguyện vọng của Lê Quốc N)*, chị H không cấp dưỡng nuôi con cùng anh Quốc A sau khi vợ chồng ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3 - Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4 - Về án phí: Anh Lê Quốc A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn

là **300.000 đồng**, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003858 ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận; anh Quốc A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 24/5/2021); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Toà án tỉnh KG;*
- *VKS huyện, tỉnh;*
- *Các Đ/s;*
- *Chi cục THADS huyện;*
- *UBND thị trấn T;*
- *Lưu (HSVA, VPTA).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Thị Mỹ Linh